

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 8 - 2020

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly

2. Ông Võ Thanh Nhân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Lê Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngày 14 tháng 08 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975. Nơi cư trú: tổ 14 ấp Long Thành, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1974. Nơi cư trú: số 442 tổ 14 ấp Long Thành, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

- Bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn N tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên giữa bà V và ông N không sống chung từ tháng 09/2019 cho đến nay, bà Nguyễn Thị V yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn N.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Đỗ Chí C, sinh ngày 05/06/1996 (đã trưởng thành); Đỗ Chí H, sinh ngày 03/07/1997 (đã trưởng thành) và Đỗ Văn L,

sinh ngày 09/3/2010 hiện đang sống với ông N, khi ly hôn bà V đồng ý giao con chung cho ông N được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Đỗ Văn N trình bày: Về quan hệ hôn nhân, về điều kiện, thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, ông N thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn N đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Đỗ Chí C, sinh ngày 05/06/1996 (đã trưởng thành); Đỗ Chí H, sinh ngày 03/07/1997 (đã trưởng thành) và Đỗ Văn L, sinh ngày 09/3/2010 hiện đang sống với ông N, khi ly hôn ông N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Văn N về con chung đồng ý giao cho ông N được tiếp tục nuôi dưỡng, nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đỗ Văn N với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Long Thành, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn N có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, với lý do ông đi làm thuê nên không đến tham dự phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đỗ Văn N.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn N đi đến hôn nhân vào năm 1996, trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên cuộc sống chung không có hạnh phúc và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 09/2019 cho đến nay, do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên được xem là hôn nhân không hợp pháp. Do đó căn cứ vào Điều 14; 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà V và ông N là vợ chồng là phù hợp.

Về quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Đỗ Chí C, sinh ngày 05/06/1996 (đã trưởng thành); Đỗ Chí H, sinh ngày 03/07/1997 (đã trưởng thành) và Đỗ Văn L, sinh ngày 09/3/2010 hiện đang sống với ông N, bà V đồng ý giao con chung cho ông N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, HĐXX nghĩ nên giao cho con chung cho ông N được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với chuyện vọng của cháu Đỗ Văn L nên được HĐXX chấp nhận.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị V được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14, 53; 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Đỗ Chí C, sinh ngày 05/06/1996 (đã trưởng thành); Đỗ Chí H, sinh ngày 03/07/1997 (đã trưởng thành) và Đỗ Văn L, sinh ngày 09/3/2010, giao cho ông Đỗ Văn N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đỗ Văn L, sinh ngày 09/3/2010, ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0008636 ngày 01/07/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu